

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng, phát triển, vận hành các nền tảng cơ sở dữ liệu (CSDL), hệ thống thông tin chuyên ngành, sử dụng công nghệ thông minh nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên và môi trường, góp phần hoàn thành mục tiêu chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị.

Đến năm 2030, ngành Tài nguyên và Môi trường (TNMT) tỉnh Quảng Trị quản lý, điều hành cơ bản trên phương thức, quy trình, mô hình của công nghệ số và kết quả phân tích, xử lý dữ liệu số; áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao. Tạo chủ động, hiệu lực, hiệu quả trong: quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, đồng thời được tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- 80% các hệ thống thông tin liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ; dữ liệu, thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

- 50% hoạt động thanh tra, kiểm tra của ngành được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% người làm việc trong ngành được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số. Trong đó, 10% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

- Kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia (cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường trên trục liên thông quốc gia) tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về: Dân cư, đất đai, môi

trường, quan trắc, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, biển, hải đảo,...

- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị sẽ giúp cho việc quản lý, điều hành của ngành thông suốt và hiệu quả, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng khai thác thông tin, khả năng kết thừa, tích hợp, sử dụng các kết quả của các cơ sở dữ liệu đã xây dựng từ các dự án đã triển khai. Cung cấp tích hợp trên cổng thông tin điện tử của Sở, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường, tiến tới xây dựng hệ sinh thái dữ liệu mở nhằm cung cấp cho xã hội những thông tin cần thiết trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường qua đó góp phần cùng tỉnh thực hiện thành công mô hình Đô thị thông minh theo chỉ đạo của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý chung của ngành, gồm: Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường; Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và đầu tư các phân hệ phần mềm quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các lĩnh vực cụ thể sau: Môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, biển hải đảo, thanh tra - kiểm tra. Các cơ sở dữ liệu trên kết nối với cơ sở dữ liệu đất đai (đã được xây dựng) thành một hệ thống chia sẻ dữ liệu dùng chung. Nâng cấp các phiên bản phần mềm gốc và hệ quản trị cơ sở dữ liệu phục vụ triển khai vận hành hệ thống.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về thu nhận, tạo lập, quản lý tài nguyên số về tài nguyên và môi trường, cho phát triển kinh tế số.

- Cung cấp và triển khai dịch vụ dữ liệu, thông tin về TNMT cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng cho phát triển kinh tế số, dịch vụ nội dung số.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tuyên truyền, truyền thông số nâng cao nhận thức cộng đồng về chuyển đổi số tài nguyên và môi trường. Sử dụng phương thức, công nghệ số nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng tương tác, phục vụ minh bạch hóa, đảm bảo trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước làm hài lòng người dân, doanh nghiệp, tạo thói quen sử dụng dịch vụ số, góp phần phát triển xã hội số.

- Phát triển các ứng dụng về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ tài nguyên và môi trường ở mọi lúc, mọi nơi, như:

+ Ứng dụng nền tảng công nghệ Blockchain để triển khai vận hành hệ thống phần mềm Xác minh thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên điện thoại di động và website đáp ứng nhu cầu của người dân, tổ chức và doanh

nghiệp trong việc tiếp cận nguồn thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Chuẩn hoá, cập nhật bản đồ nền và dữ liệu chuyên ngành đã triển khai trên Hệ thống CSDL dùng chung trên nền thông tin địa lý (GIS).

+ Xây dựng Hệ thống phần mềm Webgis kết hợp ứng dụng di động phục vụ khai thác thông tin đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 70% hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Bảo đảm an toàn thông tin cho triển khai vận hành Chính phủ số.

- 100% người làm việc trong ngành được đào tạo về kỹ năng số đáp ứng yêu cầu triển khai vận hành Chính phủ số.

- Bảo đảm an toàn thông tin cho triển khai vận hành Chính phủ số.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho thực hiện dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, làm nền tảng phát triển Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thực hiện thanh toán các loại phí, lệ phí của ngành.

- Xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ số nhằm thương mại hóa thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; tăng cường cung cấp dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh hợp tác với khu vực ngoài nhà nước để khai thác thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Nâng cao năng lực quản lý, phục vụ, minh bạch, đảm bảo trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, làm hài lòng người dân, doanh nghiệp trên nền tảng số góp phần phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

- Tăng cường tương tác giữa các cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện số, tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh, kiến nghị. Đổi mới phương thức tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường trên nhiều nền tảng, sử dụng công nghệ

tiên tiến hiện đại. Nâng cao chất lượng dịch vụ số, ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tính năng động, tiên phong của lãnh đạo trong thực hiện chuyển đổi số

- Thủ trưởng các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số của đơn vị; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, xác định rõ nội dung công việc, biện pháp thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của từng lãnh đạo, công chức, viên chức; tăng cường đôn đốc, kiểm tra; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu đơn vị.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ công chức, viên chức, người lao động về sự cần thiết, tính cấp thiết của chuyển đổi số.

- Tăng cường vai trò liên kết chuyển đổi số giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân để đạt hiệu ứng lan tỏa trong xã hội. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, có giải pháp khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số (thực hiện thủ tục hành chính ở mức độ 4, thanh toán điện tử, khai thác hồ sơ số,...) trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển các nền tảng cho chuyển đổi số

2.1. Chuyển đổi nhận thức

- Quán triệt, chỉ đạo người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở ứng dụng công nghệ thông tin sâu rộng trong mọi hoạt động của Sở, toàn ngành.

- Tổ chức các chuyên đề tập huấn sử dụng các công cụ công nghệ thông tin trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện Chuyển đổi số của ngành Tài nguyên và Môi trường trên Trang thông tin điện tử.

- Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do Chuyển đổi số ngành mang lại.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ thông tin phối hợp thực hiện Chuyển đổi số.

- Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường.

2.2. Kiến tạo thể chế

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản, kế hoạch đảm bảo điều kiện cho Chuyển đổi số, chú trọng quy định về quản lý, thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường, cơ chế khai thác, chia sẻ dữ liệu tài nguyên và môi trường; các quy chuẩn, quy định về kết nối quy trình nội bộ, quy trình kết nối các hệ thống liên thông dữ liệu giữa các phần mềm trong và ngoài ngành tài nguyên và môi trường; các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh; bảo đảm tính riêng tư của thông tin tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng.

- Phát hành văn bản hướng dẫn, triển khai, đôn đốc thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số của ngành, Kế hoạch đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh, phát triển các nền tảng số, dịch vụ nội dung số về tài nguyên và môi trường.

- Triển khai hành lang pháp lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tạo điều kiện cho việc thực hiện thủ tục hành chính từ xa và sản phẩm điện tử (ví dụ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, giấy chứng nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác nước dưới đất,...) cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể sử dụng các loại giấy tờ này mà không cần giấy.

- Các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu giữa các phần mềm trong ngành tài nguyên và môi trường.

- Thực hiện, nâng cấp kiến trúc chính phủ điện tử hàng năm, làm cơ sở cho quy hoạch và phát triển công nghệ thông tin của ngành.

- Tập huấn, hướng dẫn về ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Hướng dẫn, quy định về xác thực điện tử trong ngành tài nguyên và môi trường.

- Các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh; bảo đảm tính riêng tư của thông tin tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng.

2.3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng chuyển đổi số

- Rà soát, nâng cấp mạng lưới băng thông rộng, chất lượng cao.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan đầu tư nâng cấp các thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, phần mềm đồng bộ, kết nối, chia sẻ bảo đảm đúng tiêu chuẩn, vận hành hiệu quả và an toàn, an ninh thông tin.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, các công nghệ mạng dây dẫn, không dây hiện đại; dạng dữ liệu lớn phục vụ Chuyển đổi số của ngành; kết nối internet vạn vật trong toàn ngành.

- Tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng kỹ thuật của các tổ chức, doanh nghiệp.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả ứng dụng chữ ký số đã được tích hợp trong các phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp thực hiện chuyển đổi toàn bộ mạng Internet sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6) đối với toàn bộ hệ thống ứng dụng của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường.

- Số hóa dữ liệu quản lý ngành tài nguyên và môi trường. Chuẩn hóa hồ sơ điện tử từ hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công và các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan trong việc xây dựng Nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ CNTT của tỉnh.

- Xây dựng Kho dữ liệu tài nguyên và môi trường dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn nhằm quản lý toàn diện tài nguyên số về tài nguyên và môi trường; cập nhật, phát triển nền tảng tích hợp, kết nối dữ liệu tài nguyên và môi trường với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các bộ, ngành, địa phương nhằm chia sẻ dữ liệu, thông tin cho khai thác, sử dụng.

- Phát triển, số hóa các dữ liệu quan trọng của ngành, trong đó có kết quả thủ tục hành chính; xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

- Thiết kế, tích hợp, kết nối hệ thống dữ liệu tài nguyên và môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh (dữ liệu không gian đô thị, đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản,...).

- Xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở tài nguyên và môi trường, đáp ứng thu nhận dữ liệu từ các hệ thống dữ liệu liên quan đến tài nguyên và môi trường trong tỉnh và quốc gia, thiết bị cảm biến, dữ liệu chia sẻ từ người dân, doanh nghiệp, cộng đồng, mạng xã hội hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở về tài nguyên và môi trường.

2.4. Phát triển dữ liệu số

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa hình, hình thành một bản đồ số nền dùng chung thống nhất của tỉnh.

- Rà soát, phân loại, số hóa kết quả hồ sơ thủ tục hành chính còn hiệu lực, hình thành cơ sở dữ liệu sống, sạch, có thể tái sử dụng trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tài nguyên và môi trường trên cơ sở kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, dịch vụ chia sẻ dữ liệu thống nhất, bảo đảm nền tảng về dữ liệu là hạ tầng quan trọng, cốt yếu cho chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường.

- Tập hợp, số hóa nội dung, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản hành chính, cơ sở dữ liệu nội bộ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, xử lý văn bản đáp ứng nhu cầu chỉ đạo, điều hành, thực hiện công tác hành chính.

- Tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia, kết nối giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường, các hệ thống chuyên ngành, thống kê trên nền tảng phát triển của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số về tài nguyên và môi trường phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số.

2.5. Xây dựng nền tảng số

- Xây dựng, cung cấp các nền tảng dữ liệu số tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh:

- + Nền tảng dữ liệu thông tin đất đai;
- + Nền tảng dữ liệu bản đồ, không gian địa lý quốc gia;
- + Nền tảng dữ liệu môi trường;
- + Nền tảng dữ liệu về tài nguyên nước;
- + Nền tảng dữ liệu về khoáng sản;
- + Nền tảng dữ liệu về khí tượng thủy văn;
- + Nền tảng thông tin thời tiết, khí hậu;
- + Dữ liệu thanh tra, kiểm tra.

- Tiếp tục hoàn thiện nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh. Kết nối nền tảng định danh xác thực được sử dụng trong Hệ thống chính quyền điện tử, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP). Tạo lập cơ sở dữ liệu ngành hướng tới tích hợp, kết nối, chia sẻ liên thông dữ liệu giữa các ngành.

- Xây dựng nền tảng Blockchain để phục vụ nhu cầu về sử dụng công nghệ blockchain trong các hệ thống thông tin của tỉnh. Nền tảng Blockchain cần đảm bảo các yêu cầu chung: Tổ chức lưu trữ dữ liệu dạng khối; quản lý, kiểm soát các điểm truy cập tham gia chuỗi (Blockchain); mã hóa, đảm bảo tính an toàn và toàn vẹn dữ liệu; truy vết dữ liệu.

- Phát triển các nền tảng ứng dụng, di động cung cấp các dịch vụ, xử lý, tư vấn, khai thác dữ liệu thông tin về tài nguyên và môi trường.

- Phát triển, vận hành các hệ thống thông tin nội bộ, chuyên ngành sử dụng công nghệ thông minh phân tích, xử lý, trình bày thông tin, dữ liệu trên các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị trong ngành và cung cấp dịch vụ thuận tiện, an toàn, nhanh chóng cho người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường thực hiện hệ thống chữ ký số, chữ ký điện tử trong toàn ngành.

2.6. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

Việc phát triển các ứng dụng, dịch vụ tại Sở Tài nguyên và Môi trường phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, kết nối với các nền tảng dùng chung quốc gia, nền tảng dùng chung của tỉnh để tránh trùng lặp (trừ một số ứng dụng, dịch vụ dùng riêng).

2.7. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Triển khai bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin.

- Tuân thủ nguyên tắc an toàn thông tin mạng; yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp CNTT cung cấp hạ tầng và nền tảng số bảo đảm thông tin đáng tin cậy an toàn, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công, bảo vệ ở mức cơ bản.

- Xây dựng các quy định về vai trò và quyền khi truy cập dữ liệu ở các mức độ khác nhau.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống chữ ký số trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở Tài nguyên và Môi trường (bao gồm việc xác thực trên thiết bị di động).

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, tránh nguy cơ mất an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện rà soát, đánh giá, có biện pháp tăng cường bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống hạ tầng thông tin.

2.8. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, tập huấn cho công chức, viên chức về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin, nhận thức về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

- Đào tạo, tập huấn cho công chức, viên chức các nội dung kỹ thuật chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động, trí tuệ nhân tạo; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh mạng. Sắp xếp, tuyển dụng đội ngũ phụ trách CNTT và xây dựng cơ chế chính sách phát triển đội ngũ CNTT.

- Đào tạo kiến thức, kỹ năng xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu chuyển đổi số cho Lãnh đạo cấp Sở, Lãnh đạo các đơn vị thuộc Sở, Trưởng phòng TN&MT cấp huyện.

- Triển khai hợp tác, đào tạo cán bộ chuyển đổi số về các công nghệ số áp dụng trong TNMT, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động, trí tuệ nhân tạo,... trong lĩnh vực TNMT làm nòng cốt trong chuyển đổi số TNMT.

- Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số.

3. Phát triển Chính quyền số trong ngành Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng, phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường; Thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ và với các cơ quan, đơn vị khác để nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo liên kết, chia sẻ, kết nối với Hệ thống thông tin Một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy tờ, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử tại Sở và trong toàn ngành.

- Hoàn thành triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4.

- Kết nối liên thông các hệ thống thông tin của quốc gia về hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường bao gồm: hệ thống thông tin về đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, biển, hải đảo,....

- Duy trì đường dây nóng, giám sát thường xuyên công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường. Ngăn chặn kịp thời hành vi lợi dụng hoặc gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình sử dụng Dịch vụ công trực tuyến và nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa các cấp.

- Phối hợp thực hiện phần mềm đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả công việc tại cơ quan.

4. Phát triển Kinh tế số trong ngành Tài nguyên và Môi trường

- Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu mở, hệ sinh thái nội dung số về tài nguyên và môi trường cho xã hội.

- Phối hợp, xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể như: Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia và các cơ sở dữ liệu về lĩnh vực khác như nền địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu nền địa chính, quan trắc tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, nguồn thải, viễn thám, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn, địa chất - khoáng sản...; sử dụng bản đồ số quốc gia mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích các Công ty công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tăng cường nghiên cứu, phát triển các nền tảng chuyển đổi số trong ngành; tạo ra các dịch vụ số hiệu quả trong ngành tài nguyên và môi trường. Tăng cường nghiên cứu các công nghệ số phục vụ lĩnh vực tài nguyên và môi trường như dữ liệu lớn, di động, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây.

5. Phát triển Xã hội số trong ngành Tài nguyên và Môi trường

- Chia sẻ, kết nối dữ liệu định danh điện tử, dữ liệu dân cư, dữ liệu căn cước công dân để xác thực thông tin trong quá trình thẩm định hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính, giảm thiểu thông tin, dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp phải cung cấp trong quá trình sử dụng Dịch vụ công.

- Thu thập, công khai dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường lên hệ thống dữ liệu mở của tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên, chi sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Sở

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện theo nội dung của Kế hoạch này; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về việc triển khai, thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả các dự án được giao.

- Báo cáo kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để kịp thời tháo gỡ.

2. Văn phòng Sở

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, chuẩn hóa, tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện của thủ tục hành chính trên môi trường mạng; đẩy mạnh ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở.

- Chủ trì, tham mưu thực hiện gắn kết công tác cải cách hành chính với Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường; các tiêu chí về phát triển Chính phủ điện tử, chuyên đổi số trong công tác đánh giá, xếp loại đơn vị, cá nhân thường xuyên.

- Tham mưu cho Sở kiện toàn tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị chuyên trách về Chuyển đổi số của ngành.

- Tham mưu Sở cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn quản lý ngân sách hiện hành.

- Đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Tổng hợp báo cáo lãnh đạo Sở kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở TT&TT;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP(T).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Khoa

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Xây dựng và ban hành Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	Hàng năm	
II	Nâng cao nhận thức và kiến tạo cải cách thể chế đáp ứng cho chuyển đổi số				
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số ngành tài nguyên và môi trường	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	Hàng năm	
III	Phát triển hạ tầng số				
2	Đầu tư trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
3	Nâng cấp hệ thống mạng số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan nhà nước đáp ứng chương trình chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
IV	Phát triển hạ tầng dữ liệu				
4	Xây dựng kho số tư liệu ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
V	Xây dựng nền tảng số				
5	Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai	Chi cục Bảo vệ môi trường	- Văn phòng Sở - Chi cục Biển, hải đảo và KTTV - Trung tâm Quan trắc TN&MT	2023-2030	
6	Hoàn thiện chuyển đổi số về thư viện tài nguyên và môi trường, tích hợp, kết nối, liên thông hệ thống thư viện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	

	quốc gia				
7	Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ, liên thông ngành tài nguyên và môi trường trên nền tảng tích hợp, chia sẻ, liên thông dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị, phát triển nền tảng IoT phục vụ dịch vụ tài nguyên và môi trường thông minh.	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
VI	Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin				
8	Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin ngành tài nguyên và môi trường	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	Hàng năm	
VII	Phát triển nguồn nhân lực				
9	Đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên chuyên trách CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; an toàn, an ninh thông tin mạng ngành tài nguyên và môi trường	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
10	Triển khai các lớp đào tạo, bồi dưỡng CNTT tài nguyên và môi trường hàng năm; Triển khai các chương trình truyền thông về CNTT tài nguyên và môi trường thông minh	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
11	Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực CNTT, bảo đảm có đủ nhân lực CNTT cho nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT tại đơn vị	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
VIII	Phát triển chính phủ số				
12	Xây dựng CSDL và hệ thống giám sát khai thác, sử dụng Tài nguyên nước	Phòng Khoáng sản và nước	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
13	Xây dựng CSDL quan trắc tài nguyên và môi trường	Trung tâm Quan trắc TN&MT	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
14	Xây dựng CSDL về khoáng sản	Phòng Khoáng sản và nước	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
15	Nâng cấp CSDL và hệ thống quản lý thông tin môi	Chi cục Bảo vệ	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	

	trường tỉnh Quảng Trị	môi trường			
16	Xây dựng CSDL đa dạng sinh học tỉnh Quảng Trị	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
17	Xây dựng hệ thống quản lý thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
18	Xây dựng, cập nhật CSDL địa chất, khoáng sản; hệ thống thu nhận lưu trữ quản lý thông tin, số liệu kiểm soát hoạt động khoáng sản và hệ thống giám sát vận chuyển, mua bán khoáng sản	Phòng Khoáng sản và nước	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
19	Xây dựng hệ thống kê khai chất thải rắn	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
20	Xây dựng hệ thống quản lý đo đạc, bản đồ	Phòng Đo đạc bản đồ và VT	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
21	Xây dựng hệ thống CSDL thanh tra, kiểm tra	Thanh tra Sở	Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	
22	Xây dựng App truyền thông ngành tài nguyên và môi trường	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Các đơn vị thuộc Sở	2025-2030	
23	Xây dựng CSDL về khí tượng thủy văn	Chi cục Biển, hải đảo và Khí tượng thủy văn	Các đơn vị thuộc Sở	2025-2030	
24	Xây dựng CSDL về viễn thám	Phòng Đo đạc bản đồ và VT	Các đơn vị thuộc Sở	2025-2030	
25	Nâng cấp hệ thống CSDL tài nguyên môi trường vùng biển, ven bờ và hải đảo tỉnh Quảng Trị	Chi cục Biển, hải đảo và Khí tượng thủy văn	Các đơn vị thuộc Sở	2025-2030	
26	Hoàn thiện CSDL ngành tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đăng ký đất đai	Các đơn vị thuộc Sở	2025-2030	

27	Xây dựng CSDL về biến đổi khí hậu	Chi cục Biển, hải đảo và Khí tượng thủy văn	Các đơn vị thuộc Sở		
IX	Phát triển kinh tế số				
28	Thu thập, cập nhật, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (<i>Theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017; Quyết định số 54/2020/QĐ-UBND ngày 07/11/2020</i>) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Văn phòng Đăng ký đất đai	- Các đơn vị thuộc Sở	2023-2030	
X	Phát triển xã hội số				
29	Thu thập, công khai dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường lên hệ thống dữ liệu mở của Tỉnh, Bộ TN&MT	Văn phòng Đăng ký đất đai	- Các đơn vị thuộc Sở	2023-2025	